

ĐỔI MỚI PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - NHỮNG YÊU CẦU VỀ MẶT LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

*Đinh Thị Mai Phương**

Hiện nay trong pháp luật ở Việt Nam, về cơ bản, có ba loại hợp đồng: hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại và hợp đồng kinh tế tương ứng là ba ngành luật với các văn bản pháp luật điều chỉnh.

Hợp đồng dân sự được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật Dân sự 1995 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hợp đồng kinh tế được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế ban hành ngày 25/9/1989 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó quan trọng nhất là Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng số 17-HĐBT ngày 16 tháng 01 năm 1990 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế và Thông tư của Trọng tài kinh tế Nhà nước số 108/TT-PC ngày 19 tháng 5 năm 1990 hướng dẫn kí kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

Ngoài ra, một số quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực thương mại (thuộc 14 hành vi thương mại) thì được điều chỉnh bởi Luật Thương mại ban hành ngày 10/5/1997, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/1998 kèm theo các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về thời gian, những văn bản pháp luật này ra đời trong những thời điểm và hoàn cảnh lịch sử không giống nhau. Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế ra đời trước Bộ luật Dân sự, trong khi nền kinh tế nước ta đang chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Do vậy, nhiều quy định trong pháp luật về hợp đồng kinh tế không được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc pháp lý chung của Bộ luật Dân sự. Điều đó tất yếu đã tạo ra sự khác biệt không cần thiết giữa các quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế và

hợp đồng dân sự mà hệ quả là nó tạo ra hai lĩnh vực pháp luật hoàn toàn biệt lập với nhau với nhiều nội dung trùng lặp và mâu thuẫn. Hơn thế nữa, trong suốt một thời gian dài tồn tại với những chuyển biến mạnh mẽ về tình hình kinh tế xã hội và pháp luật nhưng Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế không hề được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của mình nên về cơ bản, các quy định của pháp luật kinh tế đã trở nên lạc hậu rất nhiều so với yêu cầu của thực tiễn khách quan.

Bộ luật Dân sự ra đời sau bảy năm so với Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế, trong một nền kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ với phạm vi điều chỉnh rất rộng và bao quát. Có thể nói các quan hệ thuộc đối tượng điều chỉnh của Bộ luật Dân sự đã bao trùm lên toàn bộ đối tượng điều chỉnh của Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế nhưng Nghị quyết thi hành Bộ luật Dân sự cũng không phủ định hiệu lực của văn bản này. Hiện nay, thực tế pháp lý Việt Nam vẫn cho thấy, pháp luật hợp đồng kinh tế và pháp luật hợp đồng dân sự là quan hệ của những luật riêng, độc lập với nhau.

Xét về mặt thời gian, Luật Thương mại ra đời muộn nhất (năm 1997 và có hiệu lực vào ngày 01/01/1998), đó là thời điểm sau khi Bộ luật Dân sự đã đi vào thực tiễn nên về lý thuyết nó phải tránh được những tồn tại không đáng có như giữa Bộ luật Dân sự và Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là Luật Thương mại cũng không được xây dựng dựa trên một mối quan hệ nhất quán nào với Bộ luật Dân sự nên một số quy định về hợp đồng trong Luật Thương mại đã nhắc lại những quy định của Bộ luật Dân sự, trong khi một số quy định khác cần thiết cho việc điều chỉnh quan hệ về hợp

* Thạc sỹ Luật học, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp

đồng lại không được quy định và cũng không dẫn chiếu đến việc áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự hay Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế.

Vì vậy, trên thực tế, mối quan hệ giữa ba văn bản này cho đến nay vẫn chưa bao giờ được xác định một cách rõ ràng trong khi nội dung giữa chúng lại không thống nhất nên việc áp dụng trong thực tế gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng và đôi khi các quy định không được áp dụng một cách thống nhất. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có một giải pháp hợp lý và triệt để đổi mới pháp luật hợp đồng theo hướng thống nhất hóa và đồng bộ hoá các quy định pháp luật về hợp đồng nhằm tạo cơ sở pháp lý ổn định, minh bạch và tin cậy trong việc điều chỉnh các quan hệ hợp đồng phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội cũng như các yêu cầu của quốc tế trong quá trình hội nhập và toàn cầu hoá.

Đây là một vấn đề hoàn toàn không dễ dàng và càng không thể giải quyết trong ngày một ngày hai. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, đó là điều hết sức cấp thiết và việc nghiên cứu những yêu cầu về mặt lý luận cũng như thực tiễn trong việc đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam không những sẽ cho thấy những đòi hỏi khách quan đang đặt ra, đồng thời, sẽ là cơ sở lý luận hết sức quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi nhiệm vụ này.

1. Đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam trên cơ sở tôn trọng bản chất của hợp đồng

Qua nghiên cứu pháp luật và thực tiễn hầu hết các nước trên thế giới về hợp đồng đều cho thấy một bản chất thống nhất của hợp đồng - đó là sự thoả thuận, thống nhất ý chí của các chủ thể nhằm làm phát sinh hậu quả pháp lý. Trên nền tảng của tự do, tự nguyện về ý chí và sự bình đẳng về địa vị pháp lý, quan hệ hợp đồng dù phát sinh trong bất cứ lĩnh vực nào cũng luôn phản ánh một bản chất thống nhất. Vì vậy, pháp luật, với chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, cần phải tôn trọng bản chất khách quan của các quan hệ đó. Không phủ nhận nhu cầu phải ban hành các văn bản luật đặc thù để

điều chỉnh các quan hệ hợp đồng chuyên biệt, song các văn bản luật đó phải được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận thống nhất và đồng bộ.

Nhìn lại hệ thống các quy định pháp luật về hợp đồng của Việt Nam hiện nay cho thấy những nét rất khác biệt giữa pháp luật về hợp đồng của Việt Nam so với hầu hết các nước trên thế giới. Sở dĩ có sự tồn tại một cách tương đối độc lập giữa 2 (hoặc 3) loại hợp đồng dân sự, kinh tế và các hợp đồng trong lĩnh vực thương mại trong pháp luật Việt Nam một phần xuất phát từ yếu tố lịch sử, phần khác phải kể đến là do sự thiếu nhất quán trong quan điểm lập pháp dẫn đến tình trạng thiếu rõ ràng và thiếu thống nhất trong hệ thống các quy định pháp luật thực định về hợp đồng. Sự tồn tại của các quan hệ hợp đồng là hoàn toàn khách quan và xuất phát từ nhu cầu giao lưu của thực tiễn đời sống kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc phân loại chúng về mặt pháp lý cũng như việc tồn tại các ngành luật độc lập với nhau trong việc điều chỉnh các quan hệ này trong suốt những năm qua đều xuất phát từ ý chí chủ quan và vì vậy đã gây nhiều tranh cãi: Có hay không sự cần thiết và tính hợp lý trong việc phân loại hợp đồng, có hay không sự khác biệt về bản chất của các quan hệ hợp đồng này.

Như vậy, đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam thực chất chính là quá trình nhận thức lại bản chất của hợp đồng. Điều đó cho phép chúng ta xây dựng được một hệ thống các quy định nhất quán và phản ánh đúng được bản chất khách quan của các quan hệ hợp đồng tránh những mâu thuẫn không đáng có về mặt lý luận cũng như thực tiễn nhằm tiến tới điều chỉnh một cách phù hợp, hiệu quả đối với các quan hệ và xây dựng được một cơ sở pháp lý vững chắc, khoa học và tin cậy cho mọi chủ thể tham gia quan hệ.

Tôn trọng bản chất khách quan của hợp đồng còn đòi hỏi sự tôn trọng của pháp luật đối với quyền bình đẳng và tự do ý chí của các chủ thể, hạn chế tối đa sự can thiệp không cần thiết của Nhà nước vào quan hệ hợp đồng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa phủ nhận hoàn toàn tính trật tự công

và khả năng điều chỉnh của Nhà nước trong các quan hệ đó.

2. Đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam phải nằm trong chính thể đổi mới toàn bộ hệ thống pháp luật có liên quan

Xã hội bao giờ cũng tồn tại với tính cách là một chính thể bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Các quan hệ xã hội ở mỗi lĩnh vực khác nhau lại mang những đặc thù riêng và đòi hỏi pháp luật có phương pháp điều chỉnh riêng. Tuy nhiên, các quan hệ này luôn nằm trong mối liên hệ qua lại, tác động, chuyển hoá lẫn nhau, do đó, sự điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội trong từng lĩnh vực vẫn có sự liên quan nhất định. Vì vậy, việc thống nhất pháp luật về hợp đồng nhìn chung không nằm ngoài khả năng thống nhất tổng thể hệ thống pháp luật quốc gia. Đây chính là một trong những khía cạnh của tính toàn diện trong kỹ năng lập pháp.

Yêu cầu chung của tính toàn diện trong hoạt động lập pháp đòi hỏi sự phát triển một cách đồng bộ và cân đối của các ngành luật. Các quy định trong mỗi ngành luật phải có tác động hỗ trợ và đảm bảo tính hài hoà, thống nhất với quy định của ngành luật khác tránh tình trạng phát triển lệch và thiếu tương ứng giữa các ngành luật dẫn đến khả năng điều chỉnh của pháp luật trong đời sống thực tiễn kém hiệu quả và không phát huy được vai trò.

Có thể nhận thấy ngoài một mối liên hệ không được xác định rõ ràng, hệ thống các văn bản pháp luật về hợp đồng hiện nay của Việt Nam còn rất tản mạn và thiếu đồng bộ, đặc biệt là các quy định về hợp đồng kinh tế. Các văn bản này tồn tại ở mọi cấp độ hiệu lực khác nhau với những mục đích pháp lý không thống nhất. Có văn bản mang ý nghĩa như một văn bản bổ sung các quy định của Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế, một số văn bản khác lại nhằm mục đích giải thích, hướng dẫn điều luật hoặc cách áp dụng. Thậm chí nội dung của các văn bản đôi khi không tương xứng với cấp độ hiệu lực của văn bản. Chính sự thiếu đồng bộ đó đã tạo nên những

khó khăn không chỉ cho những người muốn tìm hiểu, áp dụng pháp luật về hợp đồng kinh tế mà ngay cả những chuyên gia trong lĩnh vực luật pháp như thẩm phán, luật sư hay các nhà nghiên cứu cũng lúng túng trong quá trình thực thi và áp dụng. Đó là chưa kể đến những khó khăn gặp phải khi các quy định pháp luật trong các văn bản không rõ ràng, chung chung hay mâu thuẫn, chồng chéo và phủ định lẫn nhau hoặc có nhiều quy định khác nhau cùng điều chỉnh một vấn đề, trong khi pháp luật Việt Nam lại chưa có một quy tắc áp dụng luật thống nhất để chỉ ra luật nào sẽ được áp dụng trong những trường hợp như vậy nên việc tìm kiếm, lựa chọn quy phạm để áp dụng cho một trường hợp cụ thể có rất nhiều vướng mắc.

Trên cơ sở đó, đổi mới pháp luật về hợp đồng phải được xem xét và cân nhắc trong mối quan hệ tổng thể với các ngành luật, lĩnh vực pháp luật có liên quan tránh khả năng phát triển và thống nhất cục bộ trong khi các quan điểm lý luận và quy định có liên quan chưa có sự thay đổi tương ứng mà tạo ra khoảng cách và sự thiếu thống nhất trong tổng thể làm mất tác dụng của chức năng điều chỉnh. Để đạt được điều này, việc đổi mới pháp luật hợp đồng theo hướng thống nhất các quy định về hợp đồng đòi hỏi phải đi đôi với khả năng đổi mới, thống nhất hoá pháp luật kinh tế, dân sự và thương mại kèm theo đó là sự xác định lại ranh giới ngành, mối quan hệ cũng như vị trí của chúng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Việc xác định đúng đối tượng điều chỉnh của từng ngành luật cũng như vị trí và mối quan hệ giữa các ngành luật cho phép chúng ta xây dựng được hệ thống các quy định pháp luật thống nhất, đồng bộ, vận động đúng trên “sân” của mình tạo ra một khung pháp luật vững chắc và các bộ phận trong hệ thống có khả năng hỗ trợ cho nhau.

3. Đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam phải phù hợp với thực tiễn kinh tế xã hội của Việt Nam trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa

Pháp luật được hình thành do nhu cầu điều chỉnh của các quan hệ xã hội. Chức

năng của pháp luật chỉ có thể thực hiện được khi nó được xây dựng phù hợp với những điều kiện cụ thể của xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

Như vậy, một trong những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới pháp luật về hợp đồng là sự phù hợp và khả năng thích ứng của pháp luật hợp đồng với điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, điều này không thể làm hạn chế hay phủ nhận tính dự liệu của pháp luật hợp đồng đối với việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh ít nhất trong một tương lai gần nhằm đảm bảo sự ổn định tương đối của pháp luật hợp đồng.

Có thể thấy, trong những năm qua, công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước ta đã tạo ra những biến đổi to lớn và sâu sắc về mặt kinh tế, xã hội và chính trị. Từ một nền kinh tế thuần nhất về thành phần và chế độ sở hữu chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần và đa dạng về sở hữu, từ một nền kinh tế hiện vật chuyển sang nền kinh tế hàng hoá, từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường mở cửa. Các quan hệ kinh tế xã hội theo đó đã có sự phát triển và thay đổi đáng kể về chất. Quan hệ hợp đồng tù túng, hạn hẹp và méo mó về bản chất trong thời kỳ kinh tế cũ nay đã được hồi sinh và trở về với đúng bản chất vốn có của mình đòi hỏi phải có những quy định điều chỉnh tương thích và phù hợp.

Những chuyển biến và phát triển vượt bậc của kinh tế xã hội cũng như sự trở về của các quan hệ hợp đồng đích thực đã khiến cho nhiều quy định pháp luật về hợp đồng của chúng ta mà điển hình là các quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế trở lên lỗi thời và lạc lõng. Sự tồn tại của các quy định này không những không thúc đẩy và điều chỉnh một cách phù hợp đối với các quan hệ hợp đồng mà còn cản trở đáng kể đối với các giao lưu kinh tế. Những quan niệm cứng nhắc và thiếu tính thời đại trong quy định của pháp luật kinh tế về các khía cạnh của hợp đồng như chủ thể của hợp đồng, hình thức của hợp đồng, nội dung của hợp đồng và các chế định khác... vô tình đã kìm hãm, đi ngược lại với xu hướng phát triển của các

quan hệ hợp đồng trên thực tiễn. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng mâu thuẫn và thiếu thống nhất trong nội tại hệ thống pháp luật về hợp đồng của Việt Nam. Đó là sự mâu thuẫn giữa những quan điểm mới và quan điểm cũ, mâu thuẫn giữa những quy định mới và những quy định đã lạc hậu, lỗi thời, mâu thuẫn giữa những yếu tố lịch sử với các yếu tố thời đại trong hệ thống pháp luật hợp đồng.

Như vậy, đổi mới pháp luật hợp đồng theo hướng thống nhất các quy định pháp luật về hợp đồng trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi chúng ta phải giải quyết một cách triệt để và thoả đáng những mâu thuẫn nội tại đó, đồng thời nhất quán được tư duy và nhận thức đối với những yêu cầu của thực tiễn khách quan.

Trong một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật về hợp đồng cùng một lúc phải đáp ứng được hai điều kiện:

Thứ nhất, phải có cách tiếp cận thích hợp với vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước trong một số lĩnh vực then chốt, đặc thù.

Thứ hai, phải đảm bảo tính chất thị trường trong các quan hệ hợp đồng, đó là nguyên tắc bình đẳng, tự do kinh doanh, tự do cạnh tranh lành mạnh, hạn chế tối đa tình trạng độc quyền, hạn chế tối đa sự can thiệp của Nhà nước vào các quan hệ hàng ngang.

Để đạt được điều này, đòi hỏi pháp luật hợp đồng Việt Nam phải xây dựng được hệ thống các nguyên tắc chung bên cạnh các quy định điều chỉnh đặc thù trong từng lĩnh vực, đồng thời phải xác định được mối quan hệ nhất quán và hài hoà giữa chúng.

4. Đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam phải đạt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa thương mại

Bên cạnh những đặc thù của điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia, ngày nay, xu thế hội nhập quốc tế và khu vực cũng đã và đang tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật hợp đồng nói riêng của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đó chính là quá trình quốc tế hoá hệ

thống pháp luật quốc gia hay ngược lại là quá trình nội luật hoá các cam kết quốc tế - là sự ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến sự tồn tại, phát triển của hệ thống pháp luật quốc gia. Ngày nay, không một quốc gia nào có thể hội nhập được khi hệ thống pháp luật của họ hoàn toàn khép kín.

Như vậy, đổi mới pháp luật về hợp đồng của Việt Nam cần phải tính đến những tác động và yêu cầu thực tiễn của quá trình hội nhập. Nó phải phản ánh được quá trình tăng cường các quan hệ qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước trong xu thế toàn cầu hoá thương mại. Điều đó có nghĩa là, pháp luật về hợp đồng của Việt Nam không những phải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trong nước mà còn phải đảm bảo sự phù hợp với các cam kết, thoả thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tuy nhiên, mức độ, phạm vi làm hài hoà pháp luật hợp đồng của nước ta với môi trường pháp luật thế giới trước hết cần phải xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các yêu cầu khác của quá trình phát triển đất nước.

Yêu cầu này đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu một cách căn bản, có hệ thống kinh nghiệm lập pháp của các hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới cũng như khu vực để chuyển hoá và tiếp thu một cách có chọn lọc những quy định, tập quán quốc tế vào trong hệ thống quy định quốc gia cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Trên tinh thần đó, để đảm bảo loại bỏ một cách triệt để những mâu thuẫn nội tại cũng như nhằm thống nhất pháp luật về hợp đồng của Việt Nam, cần thiết phải giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn sau đây:

- **Thứ nhất**, cần xác định lại vị trí của Bộ luật Dân sự nói chung và các quy định về hợp đồng dân sự nói riêng trong hệ thống các quy định pháp luật về hợp đồng. Theo đó, phải lấy các quy định về hợp đồng trong Bộ luật Dân sự làm gốc, có hiệu lực điều chỉnh chung đối với tất cả các quan hệ hợp đồng trong mọi lĩnh vực.

- **Thứ hai**, xác định lại ranh giới và mối quan hệ giữa các ngành luật dân sự, kinh tế,

thương mại. Theo đó, xây dựng hệ thống các nguyên tắc áp dụng luật thống nhất cho các quy định theo cấp độ hiệu lực, theo mối quan hệ chung - riêng và theo trình tự ban hành để đảm bảo sự thống nhất trong quá trình áp dụng.

- **Thứ ba**, xem xét lại vai trò của hợp đồng kinh tế cũng như pháp luật về hợp đồng kinh tế trong điều kiện kinh tế xã hội mới. Để đảm bảo cho một hệ thống pháp luật về hợp đồng đơn giản, thống nhất và dễ tiếp cận, loại bỏ những quy định đã lạc hậu, lỗi thời và kìm hãm sự phát triển của các giao lưu kinh tế, cần thiết nên triệt tiêu sự tồn tại của khái niệm hợp đồng này cũng như pháp luật điều chỉnh chúng.

- **Thứ tư**, mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại cho phù hợp với quan niệm của quốc tế về thương mại. Theo đó, Luật Thương mại sẽ có chức năng điều chỉnh hầu hết các hành vi mang tính chất kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận. Các quy định về hợp đồng trong luật thương mại cũng được mở rộng và bổ sung để có khả năng bao quát và điều chỉnh mọi quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh đồng thời phải nằm trong mối quan hệ nhất quán với Bộ luật Dân sự với tư cách là luật chuyên ngành điều chỉnh các quan hệ dân sự đặc thù.

- **Ngoài ra**, một số các quan hệ hợp đồng trong các lĩnh vực đặc thù khác không nằm trong đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại như: Bảo hiểm, tín dụng, hàng hải, hàng không... sẽ được điều chỉnh cụ thể trong các luật chuyên ngành trong mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất với các quy định về hợp đồng của Bộ luật Dân sự.

Với mô hình mới này, pháp luật về hợp đồng sẽ đảm bảo được tính thống nhất và mối quan hệ liên thông, bổ trợ với nhau trong toàn hệ thống. Theo đó, Bộ luật Dân sự được coi là đạo luật gốc, là bệ đỡ có hiệu lực điều chỉnh chung. Các quy định về hợp đồng trong các lĩnh vực đặc thù phải đảm bảo sự thống nhất với các quy định của Bộ luật Dân sự, đồng thời, phải nằm trong mối quan hệ chặt chẽ ràng buộc với Bộ luật Dân sự với tư cách là luật chung và luật riêng.